

Hải Phòng, ngày 19 tháng 08 năm 2024

THÔNG BÁO
Về tình hình xét và công nhận tốt nghiệp đợt 19/08/2024

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-YDHP ngày 15/06/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm học 2024 - 2025 ngày 19/08/2024;

Hội đồng xét tốt nghiệp Đại học năm học 2024 – 2025 – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo tình hình xét và công nhận tốt nghiệp đợt 19/08/2024, cụ thể như sau:

Đợt xét và công nhận tốt nghiệp	Tổng số sinh viên	Số sinh viên đủ điều kiện xét và đề xuất công nhận tốt nghiệp	Số sinh viên đủ điều kiện xét và không đề xuất tốt nghiệp	Số sinh viên không đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp	Số sinh viên quá thời gian đào tạo tối đa
19/08/2024	126	40	01	83	02

Các sinh viên chưa đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp đợt 19/08/2024 (danh sách cụ thể kèm theo) chủ động liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để sắp xếp kế hoạch học tập, hoàn thiện chương trình đào tạo, các điều kiện xét tốt nghiệp khác (nếu có) trong thời gian tối đa được phép theo Quy định tại khoản 5 Điều 2, Điều 12 theo Quyết định số 712/QĐ-YDHP. Ngoài thời gian trên, sinh viên không đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp bị buộc thôi học và xóa tên.

Trân trọng./.

TL. HIỆU TRƯỞNG
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP



TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Đợt xét tốt nghiệp 19/08/2024

Hệ : Đại học (TC)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBCTL	Xếp loại TN
1	1831010311	Phạm Hoàng	Thắng	Nam	18/12/1996	CT34E	2,13	Trung bình
2	2031010107	Hoàng Xuân	Quyền	Nam	08/08/1988	CT36A	2,76	Khá
3	2031010043	Chu Thị	Thu	Nữ	18/05/1995	CT36B	2,2	Trung bình
4	1952010038	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	18/04/2001	D.K8.A	2,41	Trung bình
5	1952010071	Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	08/09/2000	D.K8.A	2,86	Khá
6	2050000190	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	14/12/2002	ĐDCQ.K16A	2,65	Khá
7	2050000046	Hà Khánh	Huyền	Nữ	16/12/2002	ĐDCQ.K16B	2,56	Khá
8	2056010043	Hoàng Thị	Mỹ	Nữ	14/01/2002	KTXNYH.K12	2,9	Khá
9	2056010074	Vũ Thị Minh	Nguyệt	Nữ	01/10/2002	KTXNYH.K12	2,7	Khá
10	2056010019	Vũ Đức	Toàn	Nam	12/01/2002	KTXNYH.K12	2,38	Trung bình
11	1956010010	Phạm Thị Hoài	Linh	Nữ	02/12/2001	Kỹ thuật XNYH K11	2,23	Trung bình
12	1855010004	Nguyễn Việt	Anh	Nam	19/10/2000	RHM.K10	2,92	Khá
13	1855010014	Nguyễn Đình	Dương	Nam	07/07/2000	RHM.K10	2,43	Trung bình
14	1855010021	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	05/06/2000	RHM.K10	2,73	Khá



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBCTL	Xếp loại TN
15	1855010025	Phạm Thị	Hòa	Nữ	05/01/1999	RHM.K10	2,8	Khá
16	1855010029	Đinh Thị	Hương	Nữ	30/04/2000	RHM.K10	2,6	Khá
17	1855010032	Hoàng Thị Thu	Huyền	Nữ	17/02/1998	RHM.K10	2,5	Khá
18	1855010037	Trịnh Thị Ngọc	Lanh	Nữ	15/05/2000	RHM.K10	2,7	Khá
19	1855010040	Phạm Thùy	Linh	Nữ	03/07/2000	RHM.K10	2,75	Khá
20	1756010050	Lê Thị	Ngân	Nữ	16/01/1999	RHM.K10	2,46	Trung bình
21	1855010058	Dương Quỳnh	Thơ	Nữ	30/07/1999	RHM.K10	2,54	Khá
22	1855010063	Đỗ Nguyên	Thương	Nữ	27/10/2000	RHM.K10	2,82	Khá
23	2146010025	Trần Tuấn	Anh	Nam	29/08/1996	XNCD.K4A	2,62	Khá
24	1752010007	Đại Duy	Cường	Nam	17/08/1999	Y học cổ truyền Khóa 3	2,23	Trung bình
25	1851150013	Đinh Thị	Dung	Nữ	28/12/2000	Y học cổ truyền Khóa 4	2,39	Trung bình
26	1752010009	Dương Thùy	Dung	Nữ	16/01/1999	Y học cổ truyền Khóa 4	2,86	Khá
27	1851150056	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	08/12/2000	Y học cổ truyền Khóa 4	2,27	Trung bình
28	1851100031	Lê Thị Thanh	Nga	Nữ	11/03/2000	Y học dự phòng Khóa 12	2,45	Trung bình
29	1851100034	Đồng Đức	Phong	Nam	04/07/2000	Y học dự phòng Khóa 12	2,33	Trung bình
30	1851010990	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	09/10/1999	YDK.40A	2,51	Khá
31	1851010582	Nguyễn Xuân Long	Vũ	Nam	08/11/2000	YDK.40B	2,46	Trung bình
32	1851010325	Nguyễn Đăng	Lực	Nam	30/12/2000	YDK.40C	2,51	Khá

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBCTL	Xếp loại TN
33	1851010096	Dương Đào Khánh	Duy	Nam	10/10/2000	YDK.40D	2,46	Trung bình
34	1851010313	Lê Hồng	Lộc	Nam	20/07/2000	YDK.40E	2,53	Khá
35	1851010320	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	26/09/2000	YDK.40E	2,5	Khá
36	1851010033	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	31/12/2000	YDK.40G	2,51	Khá
37	1851010988	Trần Hà	Vi	Nữ	19/06/2000	YDK.40G	2,3	Trung bình
38	1851010281	Lê Đình	Lam	Nam	23/03/2000	YDK.40I	2,01	Trung bình
39	1851010282	Trương Thanh	Lâm	Nam	22/07/1999	YDK.40I	2,11	Trung bình
40	1851010483	Trần Đình	Thỏa	Nam	05/11/2000	YDK.40K	2,49	Trung bình

Tổng

40

Sinh viên

Người lập biểu



Bùi Lê Tuấn

Hải Phòng, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Ủy viên thường trực hội đồng



PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
Xét tốt nghiệp đợt 19/08/2024

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp Học
1	1853010065	Mai Thị Hồng	Ngát	Nữ	25/12/2000	CNDD.K14
2	2031010093	Nguyễn Tuấn	Cường	Nam	25/03/1997	CT36A
3	2031010047	Lê Tuấn	Giáp	Nam	09/12/1985	CT36A
4	2031010039	Trần Trung	Hiếu	Nam	18/02/1995	CT36A
5	2031010057	Phan Đức	Tài	Nam	10/07/1989	CT36A
6	2031010023	Ngô Văn	Toàn	Nam	25/08/1989	CT36A
7	2031010065	Đinh Khắc	Thành	Nam	06/08/1997	CT36A
8	2031010070	Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	11/09/1990	CT36A
9	2031010079	Hoàng	Hiệp	Nam	28/09/1994	CT36B
10	2031010094	Phạm Nữ	Hoàng	Nam	19/05/1993	CT36B
11	2031010075	Trương Minh	Hỏi	Nam	05/05/1986	CT36B
12	2031010092	Phạm Bá	Quốc	Nam	08/09/1985	CT36B
13	2031010035	Đinh Khắc	Tú	Nam	16/10/1991	CT36B
14	1654010025	ĐỖ THỊ	HẰNG	Nữ	14/09/1998	D.K5
15	1754010002	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	24/05/1996	D.K6
16	1852010084	Bùi Ngọc	Thiên	Nam	03/10/2000	D.K7.B
17	1952010029	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	Nam	07/09/2001	D.K8.A
18	1952010081	ĐỖ ANH	TOÀN	Nam	20/06/2001	D.K8.A
19	1952010099	NGUYỄN VĂN	DŨNG	Nam	14/10/2001	D.K8.B
20	1952010113	PHẠM ANH	TOÀN	Nam	08/09/2001	D.K8.B
21	1952010120	Manichanh	ALIYA	Nữ	02/03/2000	D.K8.C
22	1952010121	Phommachan	SOUPHAVANH	Nữ	07/07/2000	D.K8.C



[Handwritten signature]

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp Học
23	2140000164	Trần Thu	Thùy	Nữ	11/12/1999	ĐDCĐ.K4B
24	2140000178	Nguyễn Anh	Văn	Nam	07/11/1997	ĐDCĐ.K4B
25	1950000038	LÊ HẢI	ANH	Nữ	02/12/2001	ĐDCQ.K15A
26	1950000122	NGUYỄN MAI	ANH	Nữ	02/09/2001	ĐDCQ.K15A
27	1950000070	NGUYỄN THỊ NGỌC	MINH	Nữ	23/11/2001	ĐDCQ.K15A
28	1950000046	LÊ THỊ NINH	THU	Nữ	09/10/2001	ĐDCQ.K15B
29	1950000090	PHẠM THU	TRANG	Nữ	13/04/2001	ĐDCQ.K15B
30	1950000112	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	29/10/2001	ĐDCQ.K15B
31	1950000117	Dương Thu	Hiền	Nữ	20/11/2001	ĐDCQ.K15A
32	1950000045	Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	20/7/2001	ĐDCQ.K15A
33	2050000131	Lại Trần Phương	Anh	Nữ	11/01/2002	ĐDCQ.K16A
34	2050000116	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	29/6/2002	ĐDCQ.K16A
35	2050000149	Nguyễn Thị	Huê	Nữ	27/01/2002	ĐDCQ.K16A
36	2050000157	Bùi Thu	Phương	Nữ	17/11/2002	ĐDCQ.K16A
37	2050000192	Trịnh Hương Quỳnh	Thu	Nữ	12/09/2002	ĐDCQ.K16A
38	2050000174	Cầm Phương	Thảo	Nữ	21/07/2002	ĐDCQ.K16C
39	2050000144	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	02/08/2002	ĐDCQ.K16C
40	2050000141	Đinh Duy	Khánh	Nam	17/2/2002	ĐDCQ.K16D
41	2050000162	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	21/10/2002	ĐDCQ.K16D
42	2050000132	Hoàng Thị Bích	Phương	Nữ	30/5/2002	ĐDCQ.K16D
43	2056010021	Mai Trần Khánh	Ly	Nữ	07/06/2002	KTXNYH.K12
44	1956010034	HỒ THÙY	DƯƠNG	Nữ	07/04/2001	KỸ THUẬT XNYH K11
45	1956010048	TRẦN BÁ	DƯƠNG	Nam	03/01/2001	KỸ THUẬT XNYH K11
46	1956010061	LƯƠNG THỊ MAI	HOA	Nữ	06/11/2001	KỸ THUẬT XNYH K11
47	2242010004	Bùi Thị Thanh	Nhã	Nữ	21/07/2000	LT DƯỠC.CĐ.K3
48	1855010002	Lê Phương	Anh	Nữ	15/12/1999	RHM.K10
49	1855010010	Đoàn Văn	Bắc	Nam	25/01/1999	RHM.K10
50	1855010020	Ngô Thế	Hải	Nam	18/11/2000	RHM.K10

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp Học
51	1855010027	Hà Hồng	Hùng	Nam	17/02/1999	RHM.K10
52	1855010042	Phạm Huyền	Lương	Nữ	03/02/1999	RHM.K10
53	1855010043	Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	10/10/2000	RHM.K10
54	1855010051	Nguyễn Mai	Phuong	Nữ	20/09/2000	RHM.K10
55	1855010070	Trần Minh	Trương	Nam	20/05/1999	RHM.K10
56	1733320003	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	05/10/1985	XNTC.K2
57	1733320049	Hoàng Thị	Thủy	Nữ	14/12/1987	XNTC.K2
58	1551010073	Trần Anh	Dũng	Nam	19/11/1996	YDK.37D
59	1551010191	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/02/1996	YDK.37D
60	1751010992	SOUNDACHAN	SOMXAY	Nữ	23/04/1999	YDK.39A
61	1751010997	XAYAVONG	BOUAVAN	Nữ	14/12/1996	YDK.39B
62	1751010994	PHANDAVONG	KITTA	Nữ	23/02/1998	YDK.39B
63	1751010996	SINGDAVONG	KHAMMON	Nam	22/07/1995	YDK.39B
64	1751010356	Thẩm Kỳ	Phong	Nam	24/02/1998	YDK.39C
65	1751010162	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	13/10/1998	YDK.39F
66	1851010316	Nguyễn Đức	Long	Nam	15/09/2000	YDK.40C
67	1851010994	DAVONE	BOUAPHAKEO	Nữ	05/05/1997	YDK.40F
68	1851010184	Vũ Trung	Hiếu	Nam	08/11/2000	YDK.40F
69	1851010337	Nguyễn Đình Quang	Minh	Nam	30/12/2000	YDK.40F
70	1851010460	Vũ Tiến	Thành	Nam	26/12/2000	YDK.40F
71	1851010992	SOUMIXAY	VALANNYEU	Nam	03/03/1994	YDK.40F
72	1851010271	Lã Văn	Khanh	Nam	16/11/1999	YDK.40G
73	1851010361	Bùi Hiếu	Nghĩa	Nam	17/07/2000	YDK.40G
74	1851010998	Đỗ Thị	Hoài	Nữ	20/05/1999	YDK.40I
75	1851010443	Nguyễn Đình	Tâm	Nam	14/03/2000	YDK.40K
76	1851100010	Mai Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/09/2000	YDP.K12
77	1751030029	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	22/01/1999	YDP.K12
78	1752010015	Nguyễn Giang	Hà	Nam	26/02/1999	YHCT.K3

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp Học
79	1851150028	Mai Thị Thu	Huyền	Nữ	19/08/1993	YHCT.K4
80	1851150035	Đoàn Thành	Lộc	Nam	17/04/2000	YHCT.K4
81	1851150040	Trần Hữu	Nghị	Nam	22/09/2000	YHCT.K4
82	1851150055	Vũ Phương	Thảo	Nữ	02/09/2000	YHCT.K4
83	1851150057	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	06/02/2000	YHCT.K4

Tổng 83 Sinh viên

Người lập biểu



Bùi Lê Tuấn

Hải Phòng, ngày 19 tháng 08 năm 2024

Ủy viên thường trực hội đồng



PGS.TS. Nguyễn Thị Thắm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHƯNG KHÔNG ĐỀ XUẤT XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Xét tốt nghiệp đợt 19/08/2024

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp học	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	1851010581	Dương Tuấn	Vũ	Nam	19/01/1999	YDK.40C	2.62		

Tổng 1 Sinh viên

Hải Phòng, ngày 19 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Lê Tuấn

Ủy viên thường trực hội đồng

PGS.TS. Nguyễn Thị Thắm



DANH SÁCH SINH VIÊN QUÁ THỜI GIAN ĐÀO TẠO
Xét tốt nghiệp đợt 19/08/2024

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	Ghi chú
1	1631010051	Đình Văn	Thạo	19/07/1990	CT32B	2016 - 2020	Quá thời gian đào tạo tối đa
2	1634010322	Lường Văn	Thiết	06/02/1985	CT32E	2016 - 2020	

Tổng 2 Sinh viên

Người lập biểu

Bùi Lê Tuấn

Hải Phòng, ngày 19 tháng 08 năm 2024

Ủy viên thường trực hội đồng

PGS.TS. Nguyễn Thị Thắm